



Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2019

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2018, PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2019**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

I. Đặc điểm tình hình

Năm 2018 hoạt động kinh doanh của công ty gặp một số khó khăn sau:

- Các quy định của Luật Dược và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn ảnh hưởng đến thời gian và tiến độ nguồn hàng nhập khẩu của công ty do đó vẫn gây ra tình trạng thiếu hàng trầm trọng đối với các thuốc gây nghiện, hướng tâm thần, tiền chất và các mặt hàng nhập khẩu có VISA sắp hết hạn/hết hạn.
- Để một mặt hàng được cấp VISA mới rất lâu và rất khó khăn, Công ty phải nhập hàng dự trữ do đó áp lực về số lượng, tồn kho cao, hạn ngắn và không tham dự được các gói thầu kéo dài 2 năm.
- Thông tư 30/2018/TT-BYT có hiệu lực từ 01/01/2019 ảnh hưởng trực tiếp đến hàng hóa Công ty đang kinh doanh do hạn chế chỉ định được thanh toán, làm tăng rủi ro hết hạn đối với các hàng đang dự trữ tồn kho.
- Cạnh tranh với các doanh nghiệp Dược về cung ứng thuốc trong đấu thầu trên thị trường ETC và thị trường OTC.
- Đấu thầu tập trung quốc gia và đấu thầu theo Danh mục Bảo hiểm xã hội Việt Nam ngày càng mở rộng gây khó khăn cho công ty về quy mô và vốn để tham gia đấu thầu, trúng thầu cũng như cung cấp đầy đủ hàng hóa sau khi trúng thầu; doanh nghiệp có thể gặp rủi ro khi nhập về số lượng hàng lớn và cung cấp dần theo tiến độ, nếu không trúng thầu sẽ gây ứ đọng hàng hóa lớn vì rất khó bán cho các đối tượng khác.
- Việc thực hiện cùng lúc quá nhiều hình thức đấu thầu: đấu thầu tập trung quốc gia, đấu thầu theo danh mục Bảo hiểm xã hội Việt Nam, đấu thầu tập trung 105 mặt hàng tại các Sở y tế, và danh mục đấu thầu tại cơ sở đã phát sinh rất nhiều chi phí, thủ tục hành chính rườm rà cũng như giao nhận, thanh toán khi cùng một đơn vị y tế song song thực hiện rất nhiều gói thầu.
- Nợ quá hạn của các bệnh viện tăng cao do vỡ quỹ bảo hiểm tại hầu hết các sở Y tế các tỉnh => Khả năng thanh toán của các bệnh viện rất khó khăn như các đơn vị y tế tại Quảng Ninh, Bắc Giang, bệnh viện Trung ương Huế...
- Dịch vụ đối với hàng viện trợ giảm do có sự thay đổi và khó khăn về các thủ tục: không nhận viện trợ thuốc gây nghiện, hồ sơ thủ tục tài liệu kèm theo đối với các thuốc viện trợ khác quá phức tạp...
- Tỷ giá EUR/VNĐ không tăng nhiều nhưng ổn định ở mức cao trong khi giá bán không tăng mà do cạnh tranh lại phải giảm.

II. Kết quả kinh doanh năm 2018

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2017 (đã điều chỉnh)	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ thực hiện 2018/thực hiện 2017 (%)	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch 2018 (%)
1	Doanh thu	Tỷ	2.390	2.600	2.619	109,58	100,76
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ	59,92	45	39,49	65,90	87,77
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ	47,72	36	31,75	66,53	88,19
4	Thu nhập bình quân người/1 tháng	Triệu	13	13	13	100	100

Đánh giá kết quả thực hiện

Theo kết quả tại bảng biểu:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2018: 2.619 tỷ đạt 109,58% so với năm 2017 và đạt 100,7% so với kế hoạch năm 2018.

Trong tình hình hàng hóa khó khăn hiện nay của Công ty, việc đạt được doanh số trên là một sự nỗ lực rất lớn.

Về lợi nhuận Công ty diễn giải như sau:.

+ Lợi nhuận sau thuế TNDN theo BCTC năm 2017: 34,56 tỷ đồng

+ Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2017 điều chỉnh theo KTNN: 47,72 tỷ đồng

+ Lợi nhuận sau thuế TNDN theo BCTC năm 2018: 31,75 tỷ đồng

Theo kết luận của kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán tại Công ty năm 2018, công ty phải ghi nhận vào số đầu kỳ lợi nhuận sau thuế năm 2018 số tiền là: 13.162.037.375 đồng. Trong đó bao gồm:

- Tiền đền bù hàng thu hồi xử lý: 12.349.090.024 đồng
- Khấu hao nhanh tài sản cố định bị tính trích lại theo Thông tư 200/2014/TT-BTC với số tiền tính tăng thêm là: 812.947.351 đồng
- Theo kiểm toán KPMG: Số tiền thu hồi hàng xử lý sẽ ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế theo số tiền đền bù nhận được, nên số tiền này chưa được tính vào lợi nhuận sau thuế của năm 2017.
- Tuy nhiên theo kiểm toán Nhà nước vì số tiền sẽ được đền bù, nên Công ty phải ghi nhận luôn vào lợi nhuận sau thuế đầu kỳ của năm 2018.

III. Kết quả thực hiện công tác khác:

1. Tuân thủ các quy định đối với Công ty đại chúng

- Công ty đã hoàn thành đăng ký trên hệ thống giao dịch Upcom tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, ngày 12/6/2018 thực hiện ngày giao dịch đầu tiên.

- Thực hiện đầy đủ các báo cáo định kỳ và bất thường theo quy định: Báo cáo tài chính quý, bán niên, kết thúc năm tài chính và các báo cáo khi có thay đổi về người nội bộ...

2. Công tác đầu tư, sửa chữa, xây dựng cơ bản

- Dự án xây dựng kho GSP số 2 tại chi nhánh TP. Hồ Chí Minh: Đang triển khai ở giai đoạn thi công và lắp đặt.

- Hệ thống kho bảo của Công ty xây dựng và sử dụng đã lâu, hàng năm đều phải có sửa chữa các hạng mục đáp ứng yêu cầu các văn bản quy định của ngành Dược, chống thấm, sửa mái, chống ẩm các chân tường kho A,D.

- Triển khai lắp đặt phòng bổ sung nhãn phụ phù hợp theo tiêu chuẩn GMP2 tại kho A

3. Đất đai

- Năm 2018, Công ty thực hiện thanh lý bán đấu giá đất tại Đà Nẵng không có nhu cầu sử dụng, số tiền thu được là 3 tỷ

4. Tình hình tài chính

- Tổng tài sản: Tổng tài sản năm 2018 đạt 1.583,67 tỷ đồng, giảm 257,45 tỷ đồng tương đương giảm 13,98% so với năm 2017, chủ yếu do:

- Khoản phải thu ngắn hạn giảm: năm 2018 là 602,37 tỷ đồng, năm 2017 là 719,11 tỷ đồng, giảm 116,74 tỷ đồng, tương đương giảm 16,23%. Doanh thu tăng, công nợ giảm chứng tỏ tình hình thu hồi công nợ của công ty đã có chuyển biến tích cực.

- Hàng tồn kho giảm: Năm 2018 là 764,72 tỷ đồng, năm 2017 là 873,15 tỷ đồng giảm 108,43 tỷ đồng tương đương giảm 12,4%, doanh thu tăng, tồn kho giảm chứng tỏ việc luân chuyển hàng tồn kho năm 2018 nhanh hơn năm 2017.

- Tài sản dài hạn giảm: do hao mòn TSCĐ năm 2018 là 16,17 tỷ.

- Nguồn vốn: Năm 2018 giảm so với năm 2017 do nợ phải trả ngắn hạn giảm 273,4 tỷ đồng tương đương giảm 17,09% chủ yếu là giảm phải trả người bán ngắn hạn và giảm các khoản vay ngắn hạn.

IV. Kế hoạch năm 2019

1. Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2019

St t	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019
1	Doanh thu	Tỷ	2.619	2.500
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ	39,49	45
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ	31,75	36
5	Thu nhập bình quân NLĐ (người/1 tháng)	Triệu	13	14

2. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, lương Trưởng ban Kiểm soát năm 2019

STT	Chức danh	Số lượng	Năm 2018		Kế hoạch năm 2019	
			Mức thù lao (đồng/người/tháng)	Lương (đồng/tháng)	Mức thù lao (đồng/người/tháng)	Lương (đồng/tháng)
I	Hội đồng quản trị	5				
1	Chủ tịch HĐQT	1	7.000.000		7.000.000	
2	Ủy viên HĐQT	4	5.000.000		5.000.000	
II	Ban kiểm soát	3				
1	Trưởng ban kiểm soát	1		- Lương cố định: 15triệu/tháng - Lương hiệu quả hàng tháng hưởng theo kết quả kinh doanh của công ty tối đa 15triệu/tháng		- Lương cố định: 15triệu/tháng - Lương hiệu quả hàng tháng hưởng theo kết quả kinh doanh của công ty tối đa 25triệu/tháng
2	Kiểm soát viên	2	2.000.000		2.000.000	

3. Kế hoạch chi trả lương Ban Tổng Giám đốc năm 2019

STT	Chức danh	Tổng lương/tháng (đồng) năm 2018	Tổng lương/tháng (đồng) năm 2019
1	Tổng giám đốc	50.000.000	65.000.000
2	Phó tổng giám đốc	40.000.000	50.000.000

4. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019
1	Quỹ phúc lợi	3,5 tỷ
2	Tỷ lệ cổ tức	14%
3	Trích quỹ thưởng do hoàn thành và vượt kế hoạch lợi nhuận	Trích 3 % lợi nhuận sau thuế nếu hoàn thành kế hoạch và thêm 10% phần vượt lợi nhuận sau thuế

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019
4	Trích quỹ thưởng HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc	- HĐQT, kiểm soát viên: 2 tháng thù lao/người. - Trưởng BKS: tương đương 2 tháng thù lao của thành viên HĐQT - Ban tổng giám đốc, Kế toán trưởng: 1,5 tháng lương thực hiện năm 2019
5	Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân bổ	Phần còn lại lợi nhuận sau thuế

Trên đây là báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả hoạt động năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT
- Lưu VT, TCHC



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Doãn Liêm